Thứ Ba, Ngày 18 Tháng 4 Năm 2023

Chứng khoán Việt Nam

Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

Báo cáo ngày

Xu hướng thị trường:

"Nỗ lực lấy lại sắc xanh"

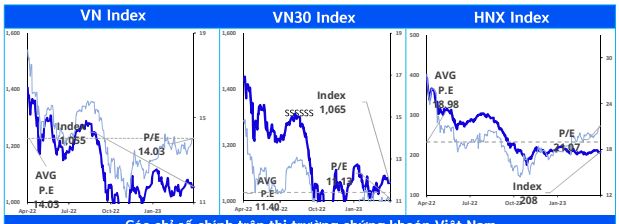
▶ Thị trường chứng khoán tăng trong phiên hôm nay. Đáng chú ý là nhóm chứng khoán tăng tốc với nhiều mã tăng mạnh.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 1.21 điểm (+0.11%), đạt 1,055.02 điểm; Ngược lại, HNX-Index tăng 1.62 điểm (+0.78%), đạt 208.25 điểm. Thanh khoản toàn thị trường đạt 9.58 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 539.76 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại mua ròng 139.28 tỷ đồng, tập trung ở HPG.

▶ VNM (+1.81%), VHM (+0.99%), SAB (+1.10%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. Trái lại, BID (-0.89%), VCB (-0.45%), VPB (-0.89%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

▶ Hầu hết các nhóm ngành giao dịch trong sắc xanh phiên hôm nay. Dịch vụ tài chính, Dầu khí, Xây dựng và vật liệu là 3 nhóm ngành tăng mạnh nhất: HCM, PLC, CTD.

▶ Góc nhìn kỹ thuật: Xu hướng giằng co vẫn chiếm ưu thế trong dịch và chỉ số biến động trong biên độ hẹp. Khớp lệnh có cải thiện hơn so với phiên hôm trước nhưng vẫn dưới mức bình quân 20 phiên. Điều này cho thấy tâm lý ảm đạm của giới đầu tư. Mùa báo cáo KQKD cũng đang đến gần và giới đầu tư dường như thận trọng xem xét hơn. Về mặt kỹ thuật, chỉ báo MACD vẫn nằm dưới đường signal trong khi RSI có phục hồi nhẹ nhưng vẫn dưới ngưỡng 50, hàm ý pha điều chỉnh còn chi phối. Cần lưu ý dòng tiền bắt đầu phân hóa trở lại. Chỉ số cần bứt phá khỏi ngưỡng 1,070 điểm để xác nhận thoát khỏi nhịp điều chỉnh, trường hợp còn lại, xu hướng vẫn chưa rõ ràng. Chiến lược phù hợp thiên về nắm giữ.



Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Index	Giá	%1D	%1M	%1Yr.	PER	PBR	Vốn hóa
VN-Index	1,055	0.1	0.9	-26.4	13.8	1.7	4,204,341
VN30 Index	1,065	0.0	1.6	-27.5	11.0	1.6	3,055,952
VN Midcap	1,339	0.3	4.1	-34.3	10.7	1.2	737,580
VN Smallcap	1,170	1.0	5.5	-42.5	14.9	0.9	233,655
HNX Index	208	0.8	1.8	-48.3	24.1	1.2	241,729
UpCom	79	0.4	3.0	-28.6	12.1	1.6	975,726

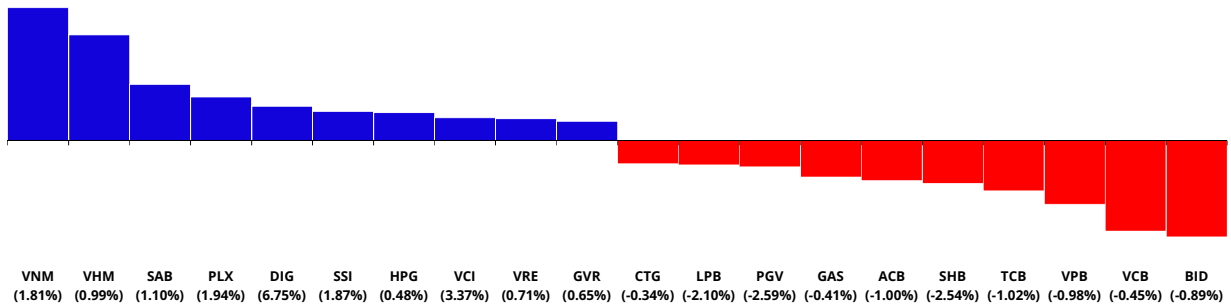
Nhóm ngành

Nhóm ngành	%1D	%1M	%YTD	%1 YR.	PER	PBR	Vốn hóa
Bán lẻ	0.7	0.9	-5.2	0.5	15.3	2.3	79,484
Bảo hiểm	-0.3	-4.0	2.1	-29.0	18.4	1.6	46,449
Bất động sản	0.5	6.5	2.9	-39.8	14.2	1.5	769,598
CNTT	-0.2	0.5	3.0	-19.4	16.8	3.2	99,312
Dầu khí	1.8	2.9	16.0	-26.6	40.2	2.4	58,209
Dịch vụ tài chính	2.8	11.2	24.7	-33.2	18.8	1.2	117,056
Tiện ích	-0.3	-3.9	0.7	-16.3	11.4	2.0	305,328
Du lịch và Giải trí	-0.3	-7.2	-9.8	-34.2	n.a	8.8	91,869
Hàng & DV CN	0.1	2.2	3.7	-22.7	11.2	1.5	118,429
Hàng CN & Gia dụng	0.2	1.3	-5.7	-28.3	10.3	1.7	48,872
Hóa chất	0.6	2.0	0.2	-54.0	6.1	1.2	131,236
Ngân hàng	-0.7	0.6	9.6	-9.2	8.1	1.5	1,598,265
Ô tô và phụ tùng	0.2	2.9	3.0	-36.6	10.2	0.9	18,459
Tài nguyên Cơ bản	0.5	2.1	16.3	-40.0	21.6	1.2	162,858
Th.phẩm & Đồ uống	1.1	-4.4	-5.3	-20.8	20.4	3.1	471,049
Truyền thông	-3.5	8.4	34.9	-34.4	16.3	0.9	1,188
Xây dựng và Vật liệu	1.5	5.7	15.8	-38.1	14.6	1.1	90,694
Y tế	0.2	-0.3	1.3	-18.0	12.6	1.9	30,855

Tiền tệ và hàng hóa

	Tỷ giá	%1D	%1W	%1M	%3M	%YTD	%1Yr.
Dollar index	102	-0.4	-0.5	-1.9	-0.7	-1.8	0.9
USD/JPY	134	-0.2	0.4	2.2	4.1	2.3	5.7
USD/CNY	7	-0.1	-0.1	0.0	1.7	-0.3	8.0
KRW/USD	1,319	0.6	-0.3	0.6	6.6	4.2	6.8
EUR/USD	1	-0.5	-0.6	-2.4	-1.7	-2.5	-1.8
USD/VND	23,504	0.1	0.2	-0.4	0.3	-0.5	2.6
Dầu Thô	81	-0.3	-1.2	20.8	1.4	0.4	-25.5
Xăng	237	-14.5	-17.3	-5.2	-6.1	-3.6	-29.8
Khí đốt	2	-0.4	3.7	-3.1	-31.6	-49.4	-71.0
Than	187	-0.5	-3.5	8.1	-49.4	-53.7	-39.5
Vàng	2,003	0.4	0.0	1.2	5.2	9.8	1.2
Thép cuộn	4,246	0.7	0.6	-3.6	1.2	2.4	-19.2

Đóng góp vào VN Index



Mở tài khoản

[Chuyên viên phân tích]
Khang Trần
(84-28) 6299 - 8037
khang.lt@shinhan.com

Mỹ Mỹ
(84-28) 6299 - 7276
my.vm@shinhan.com

Shinhan Securities

Điểm tin thị trường

Tin tức doanh nghiệp

1) CTR – Công nghệ thông tin: Năm 2023, CTR đặt mục tiêu doanh thu 10,338 tỷ đồng, tăng trưởng 10% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt 487 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2022. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023 dự kiến là 20%. Trong đó, tổng doanh thu của Công ty mẹ đạt 9,256 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ đạt 471.6 tỷ đồng; ROE đạt 26.4 %.

2) IDC – Tiện ích: IDC vừa chốt 27/4 là ngày thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2022 bằng tiền, tỷ lệ 20%. Với 330 triệu cổ phiếu đang lưu hành, IDICO cần chi 660 tỷ đồng để trả cổ tức. Trước đó, ngày 19/8/2022, công ty đã trả cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền, tỷ lệ 20%. Như vậy, tổng số tiền IDICO trả cổ tức năm 2022 là 1,320 tỷ đồng.

3) KBC – Bất động sản: KBC đặt kế hoạch kinh doanh năm 2023 với tổng doanh thu hợp nhất 9,000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất 4,000 tỷ đồng, gấp hơn 6 lần về doanh thu và gấp 2.6 lần về lợi nhuận so với kết quả đạt được trong năm 2022.

4) GVR – Hóa chất: Năm 2022 Vietnam Rubber Group đạt 25,426 tỷ đồng doanh thu, giảm 2.9% so với năm 2021. Tuy vậy chi phí vốn cộng với các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đều tăng mạnh nên lợi nhuận trước thuế còn hơn 5,700 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 4,753 tỷ đồng, giảm 11% so với số lãi 5,340 tỷ đồng đạt được năm 2021.

5) VPB – Ngân hàng: Năm 2023, VPBank đặt kế hoạch kinh doanh năm 2023 với lợi nhuận trước thuế đạt 24,000 tỷ đồng (tương đương khoảng 1 tỷ USD), tăng trưởng 13% so với năm 2022. Tổng tài sản đạt 877,000 tỷ đồng, tăng 39%; tiền gửi khách hàng ước đạt 518,000 tỷ đồng, tăng 41% so với cùng kỳ và dư nợ cấp tín dụng 636,000 tỷ đồng tăng 33%; tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.

Cổ phiếu nổi bật trong ngày

Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP - PGV

PGV - Tiện ích: Trong tháng 3, sản lượng điện của EVNGENCO3 đạt 2,848 triệu kWh, đạt 108.95% kế hoạch tháng. Lũy kế 3 tháng, sản lượng điện luỹ kế của công ty đạt 7,465 triệu kWh, tương đương 92.64% so với cùng kỳ năm 2022 và đạt 24.86% kế hoạch năm.

Theo đó, doanh thu sản xuất điện tháng 3 của công ty mẹ ước đạt 4,460 tỷ đồng, giảm 13% so với cùng kỳ năm 2022. Luỹ kế 3 tháng, tổng doanh thu sản xuất điện công ty mẹ ước đạt 11,362 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ 2022.



Xu hướng dòng tiền

Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)

STT	Nhóm ngành	% Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần	4/17/2023	4/18/2023	TB 1 tuần	Xu hướng 20 phiên
1	Xây dựng và Vật liệu	18.8	377	748	630	
2	Hàng cá nhân & Gia dụng	2.3	104	131	128	
3	Dịch vụ tài chính	0.9	844	1,432	1,420	
4	Thực phẩm và đồ uống	-0.2	890	802	803	
5	Bán lẻ	-0.3	163	270	271	
6	Du lịch và Giải trí	-7.2	54	58	62	
7	Tài nguyên Cơ bản	-11.4	428	532	601	
8	Bất động sản	-16.9	1,540	2,064	2,485	
9	Ô tô và phụ tùng	-18.0	79	99	121	
10	Ngân hàng	-18.4	1,418	1,587	1,944	
11	Y tế	-30.4	23	17	24	
12	Hóa chất	-35.5	296	264	409	
13	Công nghệ Thông tin	-35.6	46	31	48	
14	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-39.2	195	217	356	
15	Dầu khí	-44.7	75	64	116	
16	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-45.5	132	110	202	
17	Bảo hiểm	-48.0	28	17	32	

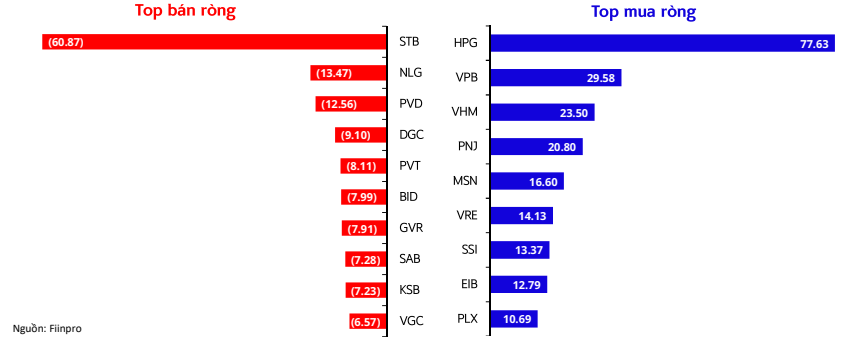
Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần

Mã	Tên doanh nghiệp	Nhóm ngành	% Thay đổi				Thống kê giao dịch		
			Giá đóng cửa	%1D	% 1W	%YTD	% Thay đổi GTGD	GTGD (VND tỷ)	Xu hướng
LCG	LICOGI 16	Xây dựng và Vật liệu	12,650	4.5	1.6	69.6	81	171.5	
ANV	Thủy sản Nam Việt	Thực phẩm và đồ uống	34,900	6.9	6.2	54.8	128	133.3	
VCG	VINACONEX	Xây dựng và Vật liệu	20,150	3.3	0.2	16.8	37	246.2	
FTS	Chứng khoán FPT	Dịch vụ tài chính	28,850	6.9	1.2	52.6	71	117.8	
HCM	Chứng khoán TP.HCM	Dịch vụ tài chính	26,350	3.1	1.7	31.8	30	190.6	
DIG	DIC Corp	Bất động sản	17,400	6.7	-0.6	21.7	7	560.3	
IDI	Đầu tư và PT Đa Quốc Gia	Thực phẩm và đồ uống	12,300	4.2	0.4	12.8	47	89.1	
VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	Thực phẩm và đồ uống	60,700	1.8	6.9	-13.0	58	71.4	
CTS	Chứng khoán Vietinbank	Dịch vụ tài chính	17,650	6.0	-0.8	39.5	77	58.2	
LPB	LienViet Post Bank	Ngân hàng	14,000	-2.1	-5.7	6.9	14	188.4	
PNJ	Vàng Phú Nhuận	Hàng cá nhân & Gia dụng	78,200	0.1	-0.5	-13.0	47	74.2	
BSI	Chứng khoán BIDV	Dịch vụ tài chính	28,850	6.9	3.2	65.8	53	65.1	
HBC	Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	Xây dựng và Vật liệu	8,400	5.0	2.3	-8.8	93	43.1	
CTD	Xây dựng Coteccons	Xây dựng và Vật liệu	51,300	6.9	6.2	55.9	80	45.1	
SKG	Tàu Cao tốc Superdong	Du lịch và Giải trí	16,650	6.7	7.8	15.6	358	21.9	

Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần

Mã	Tên doanh nghiệp	Nhóm ngành	% thay đổi				Thống kê giao dịch		
			Giá đóng cửa	%1D	% 1W	%YTD	% Thay đổi KLGD	Khối lượng giao dịch	Xu hướng
CTD	Xây dựng Coteccons	Xây dựng và Vật liệu	51,300.0	6.9	6.2	55.9	9.5	51.30	
ANV	Thủy sản Nam Việt	Thực phẩm và đồ uống	34,900.0	6.9	6.2	54.8	7.8	34.90	
FTS	Chứng khoán FPT	Dịch vụ tài chính	28,850.0	6.9	1.2	52.6	6.2	28.85	
SKG	Tàu Cao tốc Superdong	Du lịch và Giải trí	16,650.0	6.7	7.8	15.6	7.7	16.65	
CTS	Chứng khoán Vietinbank	Dịch vụ tài chính	17,650.0	6.0	-0.8	39.5	4.8	17.65	
LSS	Mía đường Lam Sơn	Thực phẩm và đồ uống	9,090.0	6.9	5.6	42.3	6.8	9.09	
LCG	LICOGI 16	Xây dựng và Vật liệu	12,650.0	4.5	1.6	69.6	3.9	12.65	
HBC	Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	Xây dựng và Vật liệu	8,400.0	5.0	2.3	-8.8	3.7	8.40	
AGM	XNK An Giang	Thực phẩm và đồ uống	5,730.0	1.4	2.7	-40.3	1.6	5.73	
DHM	Khoáng sản Dương Hiếu	Tài nguyên Cơ bản	11,000.0	0.0	-4.3	15.2	-2.2	11.00	

Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro

Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)

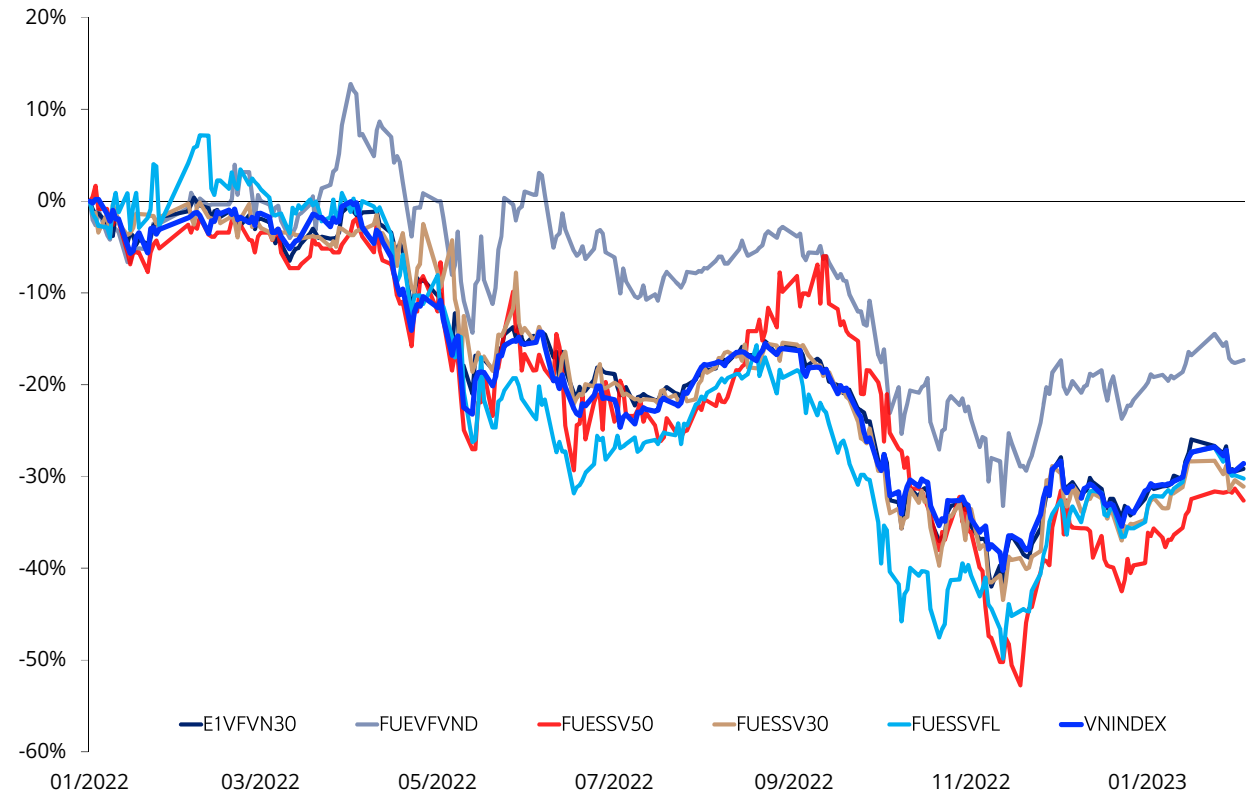
Ngày	Mua	Bán	Mua-Bán ròng
4/18/2023	825.4	686.3	139.1
4/17/2023	789.8	583.0	206.8
4/14/2023	573.5	791.4	-218.0
4/13/2023	535.3	834.4	-299.1
4/12/2023	772.4	1,114.3	-341.9
4/11/2023	638.2	1,208.6	-570.4
4/10/2023	799.7	1,104.9	-305.2
4/7/2023	822.0	980.5	-158.5
4/6/2023	608.6	830.5	-221.9
4/5/2023	814.0	589.1	224.8
4/4/2023	841.4	1,109.9	-268.5
4/3/2023	949.8	1,262.0	-312.2
3/31/2023	1,392.9	1,226.6	166.3
3/30/2023	936.8	1,344.8	-408.1
3/29/2023	604.8	812.8	-208.0
3/28/2023	1,110.6	979.7	131.0

Chứng chỉ quỹ ETF

Thống kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa

Stt	Tên quỹ	Mã chứng chỉ quỹ	Giá (VND)	%1D	%1M	YTD	KLGD	GTGD (tỷ đồng)	Thanh khoản 20 phiên
1	DCVFMVN30 ETF Fund	E1VFVN30	18,170	-0.2%	2.1%	4.8%	194,700	3.5	
2	DCVFMVN Diamond ETF	FUEVFVND	22,630	-0.3%	2.9%	1.0%	265,700	6.0	
3	SSIAM VNX50 ETF	FUESSV50	15,510	-1.1%	0.1%	10.4%	2,200	0.0	
4	SSIAM VN30 ETF	FUESSV30	13,080	0.9%	-0.2%	4.8%	1,500	0.0	
5	DCVFMVN Mid Cap ETF	FUEDCMID	8,350	0.0%	3.9%	3.1%	3,500	0.0	
6	IPAAM VN100 ETF	FUEIP100	7,520	0.0%	2.3%	4.2%	15,800	0.1	
7	KIM Growth VN30 ETF	FUEKIV30	6,950	-0.7%	2.5%	4.5%	51,700	0.4	
8	KIM Growth VNFINSELECT ETF	FUEKIVFS	9,300	-1.1%	3.2%	10.5%	50,000	0.5	
9	MAFN VN30 ETF	FUEMAV30	12,570	0.0%	1.8%	5.5%	3,600	0.0	
10	SSIAM VNFIN LEAD ETF	FUESSVFL	16,010	-0.6%	5.6%	11.6%	56,300	0.9	
11	VinaCapital VN100 ETF	FUEVN100	13,600	0.1%	2.3%	5.0%	64,700	0.9	

Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX



Thống kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa

Stt	Tên quỹ	Công ty quản lý	Ngày thành lập	Mô phỏng chỉ số	Tài sản (triệu USD)	Dòng vốn ròng 1M (triệu USD)	Dòng vốn ròng 3M (triệu USD)	Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%)	Độ lệch chuẩn 1Y (%)	Beta	Lợi suất cổ tức (%)	PB (x)	PE (x)	Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%)
1	E1VFVN30	DCVFM	8/14/2014	VN30	355.6	-0.5	1.4	-28.2	26.1	1.0	1.56	1.6	9.9	61.2
2	FUEVFVND	DCVFM	5/12/2020	VNDIAMOND	788.8	-6.3	1.2	-26.0	31.6	0.9	1.60	1.7	8.7	87.9
3	FUESSV50	SSIAM	12/15/2014	VNX50	5.7	0.0	0.0	-28.5	44.8	1.0	1.52	1.5	9.7	49.1
4	FUESSV30	SSIAM	7/27/2020	VN30	3.8	0.4	0.4	-28.4	34.5	0.9	1.62	1.6	9.8	62.1
5	FUEDCMID	DCVFM	9/29/2022	VNMID	n.a	0.0	0.0	n.a	n.a	1.2	n.a	n.a	n.a	n.a
6	FUEIP100	IPAAM	7/28/2021	VN100	n.a	0.0	0.0	-29.1	23.9	1.0	n.a	n.a	n.a	n.a
7	FUEKIV30	HVCapital	1/6/2022	VN30	13.1	0.0	-4.9	-29.0	35.5	0.9	1.58	1.6	9.7	62.4
8	FUEKIVFS	HVCapital	11/3/2022	VNFINSELECT	3.1	0.0	0.0	n.a	n.a	1.1	n.a	n.a	n.a	n.a
9	FUEMAV30	MAFM	12/8/2020	VN30	n.a	0.0	-0.3	-27.5	26.1	1.0	n.a	n.a	n.a	n.a
10	FUESSVFL	SSIAM	2/24/2020	VNFINLEAD	164.3	-2.6	-5.3	-25.5	38.7	0.9	0.95	1.2	6.9	84.2
11	FUEVN100	Vinacapital	6/16/2020	VN100	n.a	0.0	0.0	-31.8	31.2	0.9	1.63	1.6	10.9	44.9

Nguồn: Bloomberg

SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To
Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.